

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 09 tháng 10, 2025

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading



- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	HHP	08/10/2025	10.7	1.040.700	188.753	5.51
2	VLC	08/10/2025	15.1	603.500	135.803	4.44
3	DPG	08/10/2025	47.65	3.869.500	1.774.973	2.18
4	NAF	08/10/2025	36.05	1.475.100	720.200	02.05
5	DCL	08/10/2025	30.4	1.385.900	689.487	02.01
6	MWG	08/10/2025	80.8	17.337.700	8.905.627	1.95
7	VHM	08/10/2025	107.5	8.989.300	4.731.460	1.9
8	GEX	08/10/2025	55.2	14.070.200	8.473.607	1.66
9	DIG	08/10/2025	21.55	38.832.300	24.660.944	1.57
10	HHS	08/10/2025	19.01	8.920.500	5.765.387	1.55
11	VGC	08/10/2025	52.9	1.587.500	1.037.727	1.53
12	IDC	08/10/2025	37.6	2.296.700	1.553.160	1.48
13	SHS	08/10/2025	26.6	38.010.400	25.912.250	1.47
14	TCH	08/10/2025	23.3	13.472.600	9.295.280	1.45
15	LSS	08/10/2025	10.25	538.500	374.290	1.44
16	VCI	08/10/2025	43.8	12.475.700	9.124.097	1.37
17	MSN	08/10/2025	82.6	11.323.000	8.571.820	1.32
18	CTS	08/10/2025	41.8	3.249.600	2.453.127	1.32
19	CTD	08/10/2025	86.8	1.064.500	823.330	1.29
20	DDV	08/10/2025	30.9	1.021.600	789.613	1.29
21	CTG	08/10/2025	52.9	11.976.900	9.393.473	1.28
22	NDN	08/10/2025	13.2	728.700	580.967	1.25
23	SSI	08/10/2025	41.2	53.747.600	43.617.888	1.23
24	NAG	08/10/2025	13	673.300	560.007	1.2
25	VIX	08/10/2025	38.1	41.788.400	35.133.520	1.19
26	HCM	08/10/2025	27.4	14158200	11957707	1.18
27	DXG	08/10/2025	20.65	30884600	26385574	1.17



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.



STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200	MACD Hist W	MACD Hist M
1	AAA	08/10/2025	8.2	2.754.960	49.76	7.83	4.79	0.06	0.06
2	ASM	08/10/2025	7.64	2.209.860	45.32	7.16	6.71	0.07	0.04
3	BID	08/10/2025	40.45	2.721.190	48.16	38.63	4.72	0.12	-0.17
4	BMI	08/10/2025	22.1	541.470	51.65	20.92	5.62	0.09	0.18
5	CSM	08/10/2025	14.5	953.520	44.26	13.91	4.25	0.07	0.21
6	DBC	08/10/2025	27.5	3.935.890	47.14	26.7	5.49	-0.36	0.09
7	KSB	08/10/2025	19.5	2.509.990	45.92	18.29	6.63	0.19	0.25
8	LSS	08/10/2025	10.25	615.820	53.69	10.1	1.48	0.09	-0.13
9	MST	08/10/2025	6.2	3.814.250	60.67	5.84	6.17	0.01	0.11
10	NTL	08/10/2025	19	1.058.180	51.43	17.77	6.9	-0.14	-0.25
11	PVD	08/10/2025	21.35	3.823.680	45.03	21.08	1.27	0.17	-0.48
12	VCB	08/10/2025	64.6	4.404.460	57.02	60.82	6.22	0.17	-0.1
13	VPI	08/10/2025	56.2	1.854.980	51.45	55.44	1.37	0.33	-0.63
14	YEG	08/10/2025	14	2.599.310	47.62	13.92	0.61	0.01	0.39



Đỉnh và đáy là mức
kháng cự và hỗ trợ
quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	ABB	12.7	13	2.485.800
2	ANV	32.25	32.7	3819920
3	CDC	34.4	34.75	731.610
4	CTG	52.9	53.4	7.657.860
5	DCL	30.4	31.5	914400
6	HHP	10.7	10.7	298.180
7	HHS	19.1	19.5	8.028.690
8	MSB	13.6	14.05	7.775.160
9	MSR	24.6	25.6	1.967.070
10	MWG	80.8	81.4	7.660.050
11	STB	59.9	60.4	9.138.560
12	TVC	11.9	12.2	633.320
13	VHM	107.5	108.2	5.524.810
14	VRE	36.3	36.6	10.465.560

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	AAM	6.87	6.75	12.240
2	CKG	12.4	12	156.690
3	DC4	11.65	11.55	516.470
4	IDC	37.6	37.6	1.377.780
5	L18	27.6	27	22.240
6	LAI	15.4	15.4	33.720
7	LHG	30	30	108.590
8	NET	69.3	69.3	22.900
9	RYG	11	10.65	102.880
10	SGR	20.4	19.35	941.360
11	SLS	173	172.97	18.640
12	TD6	7.5	7.4	30.670
13	VGP	27.7	27.4	10.890

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	BCG	2.53	2.43	7.988.540
2	PAS	3.7	3.6	180.270
3	RYG	11	10.65	102.880
4	SGR	20.4	19.35	941.360

Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	PVD	21.35	21.08	3.823.680
2	PVS	32.4	32.33	2.659.520
3	VPI	56.2	55.44	1854980
4	YEG	14	13.92	2.599.310

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	CEO	24.9	24.74	18.489.570
2	GEX	55.2	54.68	8.203.050
3	SBT	24.4	24.35	906920
4	VHG	2.4	2.35	520.840
5	VPI	56.2	55.71	1.854.980

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	HDC	35.5	35.44	4.126.080
2	HDG	32.4	31.83	5.799.730
3	HNG	6.2	6.2	2579100
4	MWG	80.8	78.3	7.660.050
5	NTL	19	18.62	1.058.180
7	VNM	63.4	62.13	3901380
8	VPI	56.2	56.1	1854980

Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	ASM	7.64	7.72	2.209.860

Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	TDH	4.89	4.97	1.081.800
2	VGS	30.5	30.52	837.300

Cắt xuống đường trung bình MA50



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	NAB	08/10/2025	15	14.65	15.5	5.8	1.617.260
2	OCB	08/10/2025	13	12.55	13.3	6	4.011.620
3	SSB	08/10/2025	19.2	19	20.15	6.1	2.642.680
4	QTP	08/10/2025	13.1	13	13.9	6.9	228.320
5	VEA	08/10/2025	40	37.9	40.6	7.1	312.120
6	BAF	08/10/2025	35	33.55	36	7.3	1.907.340
7	VTZ	08/10/2025	18.2	18	19.4	7.8	1.322.040
8	VAB	08/10/2025	11.55	11.4	12.3	7.9	1.045.520
9	MSB	08/10/2025	13.6	13	14.5	8.1	9.774.920
10	ABB	08/10/2025	12.7	11.9	13	9.2	2.740.020
11	PPT	08/10/2025	13.8	13.2	14.5	9.8	206.140
12	AVG	08/10/2025	15	14.6	16.1	10.3	178.240
13	PNJ	08/10/2025	84	80.69	89.05	10.4	283.280
14	SAB	08/10/2025	45.95	45.15	50	10.7	644.980
15	TTA	08/10/2025	12.55	12.1	13.4	10.7	198.420
16	PPC	08/10/2025	10.65	10.6	11.75	10.8	231.180
17	PVT	08/10/2025	18.05	17.65	19.6	11	2.438.500
18	REE	08/10/2025	65	63.9	71.2	11.4	287.680
19	BWE	08/10/2025	49	46.5	51.9	11.6	113.020
20	GAS	08/10/2025	60.9	60	67.35	12.2	405.400
21	SCS	08/10/2025	60.1	58.8	66.3	12.8	193500
22	VC3	08/10/2025	28	25.74	29.1	13.1	694600
23	VNM	08/10/2025	63.4	58.5	66.2	13.2	4216820
24	CTF	08/10/2025	20.65	20.1	22.75	13.2	342420
25	PCH	08/10/2025	20.4	19.5	22.1	13.3	156400
26	BCM	08/10/2025	67	64	73	14.1	148980
27	VIP	08/10/2025	13.5	12.65	14.45	14.2	195720
28	VGT	08/10/2025	12.2	11.9	13.6	14.3	499400



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

- CANH MUA** Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- CHỜ MUA** Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- TRUNG LẬP** Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- CANH BÁN** Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 1, 1A, 2-389 Đê La Thành, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường
Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông
Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá
Điện thoại: 0237 3515 009